

TỈNH ỦY ĐIỆN BIÊN
BAN TUYÊN GIÁO VÀ DÂN VẬN
*
Số 22-TTCD/BTGDVTU

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

Điện Biên, ngày 28 tháng 8 năm 2026

THÔNG TIN CHUYÊN ĐỀ
CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH, CẢI THIỆN MÔI TRƯỜNG ĐẦU TƯ KINH
DOANH THEO CƠ CHẾ “LUỒNG XANH” Ở ĐIỆN BIÊN

I- KHÁI QUÁT VỀ CƠ CHẾ “LUỒNG XANH”

1. Khái niệm cơ chế “luồng xanh”

Thuật ngữ “luồng xanh” là cơ chế phân luồng ưu tiên: Hồ sơ của những dự án đáp ứng tiêu chí xác định sẽ được nhận diện ngay từ khâu tiếp nhận, được gắn nhãn, được ưu tiên bố trí nhân lực và thời gian để xử lý nhanh hơn đáng kể so với quy trình thông thường. Nói cách khác, nếu quy trình hành chính là một con đường, thì “luồng xanh” là làn đường ưu tiên dành cho những “chuyến xe” chở nguồn lực đầu tư lớn, có sức lan tỏa mạnh.

Ngày 16/01/2026, Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành Công văn số 410/UBND-PVHCC về triển khai cơ chế “luồng xanh” trên địa bàn tỉnh Điện Biên với mục tiêu: Hỗ trợ các dự án trọng điểm, có tính động lực, lan tỏa nhanh chóng đi vào hoạt động nhằm thúc đẩy đầu tư, tiêu dùng, xuất khẩu và đổi mới sáng tạo; góp phần đạt mục tiêu tăng trưởng GRDP của tỉnh trên hai con số năm 2026.

2. Nguyên tắc thực hiện

- Nguyên tắc thứ nhất: Trong khuôn khổ pháp luật.

Việc áp dụng cơ chế “luồng xanh” bảo đảm trong phạm vi, khuôn khổ pháp luật; không rút ngắn các bước bắt buộc; không áp dụng đối với các trường hợp theo yêu cầu về thời gian tối thiểu phải thực hiện theo quy định của pháp luật; tuân thủ nguyên tắc công khai, minh bạch. Rút ngắn ở đây là rút ngắn thời gian xử lý nội bộ của cơ quan Nhà nước (thời gian chờ phân công, chờ luân chuyển văn bản, chờ lấy ý kiến, chờ ký duyệt) chứ không cắt bỏ bất kỳ bước thẩm định nào theo luật định.

- Nguyên tắc thứ hai: Ưu tiên nguồn lực

Ưu tiên bố trí nhân lực, thời gian tập trung giải quyết ngay các hồ sơ “luồng xanh”; bảo đảm không chậm trễ, không quá hạn.

- Nguyên tắc thứ ba: Nhận diện bằng dấu hiệu

Cơ quan tiếp nhận có trách nhiệm đóng dấu mũi tên “luồng xanh” để phân luồng, theo dõi, kiểm soát tiến độ. Khi hồ sơ có dấu nhận diện, mọi cán bộ trong

chuỗi xử lý đều biết đây là hồ sơ ưu tiên và đó cũng là căn cứ truy xuất trách nhiệm nếu chậm trễ.

- Nguyên tắc thứ tư: Phân công, ủy quyền triệt để, giảm thiểu các bước trung gian

Các cơ quan, đơn vị, địa phương chủ động phối hợp chặt chẽ, chủ động tháo gỡ vướng mắc, báo cáo kịp thời khi vượt thẩm quyền.

- Nguyên tắc thứ năm: Công khai, minh bạch và có kênh giám sát

Công bố số điện thoại đường dây nóng; Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh phải tiếp nhận, xử lý phản ánh trong vòng 48 giờ.

Như vậy, cơ chế “Luồng xanh” là làm nhanh bằng cách siết chặt kỷ luật nội bộ và ứng dụng công nghệ chứ không phải làm nhanh bằng cách bỏ bớt thủ tục pháp lý.

3. Vai trò của cơ chế “Luồng xanh”

Dưới góc độ chính sách kinh tế và cải cách thể chế, cơ chế “luồng xanh” không đơn thuần là một biện pháp rút ngắn thời gian giải quyết thủ tục hành chính, mà là một công cụ chính sách nhằm giảm chi phí giao dịch, khơi thông nguồn lực và chuyển phương thức quản lý Nhà nước từ tiền kiểm nặng về thủ tục sang quản trị theo rủi ro, kết hợp tiền kiểm có trọng tâm với hậu kiểm. Vì vậy cơ chế “luồng xanh” có vai trò rất quan trọng với nền kinh tế:

(1) Giảm chi phí giao dịch của nền kinh tế

Trong kinh tế học, chi phí giao dịch không chỉ là các khoản chi phí bằng tiền phát sinh trực tiếp trong một giao dịch, mà bao gồm toàn bộ nguồn lực mà các chủ thể phải bỏ ra để tìm kiếm thông tin, chuẩn bị và hoàn thiện hồ sơ, phối hợp với các bên liên quan, giám sát quá trình thực hiện, bảo đảm tuân thủ quy định và xử lý những phát sinh trong quá trình giao dịch. Đối với doanh nghiệp, chi phí giao dịch vì vậy không chỉ xuất hiện khi mua bán hàng hóa, ký kết hợp đồng hay huy động vốn mà còn hiện hữu trong quá trình tiếp cận đất đai, thực hiện thủ tục đầu tư, xây dựng, môi trường, sản xuất, kinh doanh và sử dụng dịch vụ công. Thực hiện cơ chế “luồng xanh” sẽ giúp làm giảm chi phí giao dịch thông qua rút ngắn thời gian giải quyết các thủ tục hành chính. Đây là vai trò cốt lõi nhất của cơ chế “luồng xanh”.

(2) Tăng tốc độ quay vòng của vốn

Đây là một tác động kinh tế rất đáng chú ý. Trong kinh tế học, thời gian là một bộ phận của chi phí vốn. Nếu doanh nghiệp phải bỏ vốn nhưng dự án chưa thể triển khai, vốn bị “đóng băng”. Nếu thủ tục hành chính kéo dài thì tốc độ quay vòng vốn giảm.

Khi áp dụng cơ chế “luồng xanh” sẽ giảm thời gian thực hiện các thủ tục hành chính do đó dự án được triển khai sớm; doanh nghiệp tạo ra doanh thu sớm và sẽ tái đầu tư sớm. Do đó, cơ chế “luồng xanh” không trực tiếp tạo ra vốn, nhưng làm tăng

hiệu suất sử dụng vốn. Đây là một trong những lý do tại sao cải cách thủ tục hành chính có thể trở thành chính sách tăng trưởng kinh tế, chứ không chỉ là chính sách hành chính.

(3) Thu hút đầu tư của tư nhân

Cơ chế “luồng xanh” có thể trở thành một công cụ quan trọng để thu hút đầu tư tư nhân thông qua việc giảm chi phí, giảm rủi ro và tăng tính minh bạch của môi trường kinh doanh. Khi thủ tục được rút ngắn, liên thông và xử lý nhanh giúp nhà đầu tư sớm hoàn thành các điều kiện cần thiết để triển khai dự án. Khi thời gian chờ giảm, chi phí nhân sự, tài chính và chi phí cơ hội của doanh nghiệp cũng giảm. Một cơ chế hành chính minh bạch, nhanh và có trách nhiệm cho thấy chính quyền thực sự đồng hành với doanh nghiệp. Điều này góp phần nâng cao niềm tin của nhà đầu tư và tạo hiệu ứng lan tỏa, khi một dự án thành công có thể trở thành tín hiệu thu hút các nhà đầu tư khác.

(4) Nâng cao năng lực cạnh tranh của địa phương

Trong điều kiện các địa phương cùng cạnh tranh thu hút đầu tư, lợi thế không chỉ nằm ở đất đai, tài nguyên hay ưu đãi mà còn ở tốc độ và chất lượng phục vụ của chính quyền. Cơ chế “luồng xanh” giúp hình thành lợi thế cạnh tranh về thể chế: nhà đầu tư có xu hướng lựa chọn nơi có môi trường kinh doanh minh bạch, thủ tục nhanh và khả năng dự đoán cao.

(5) Thúc đẩy chuyển đổi từ “quản lý” sang “kiến tạo và phục vụ phát triển”

Mô hình hành chính truyền thống thường thiên về: Doanh nghiệp phải chứng minh đủ điều kiện theo quy định của pháp luật sau đó cơ quan nhà nước kiểm tra và cho phép hoạt động.

Mô hình cải cách hiện đại chuyển dần sang: Nhà nước thiết lập tiêu chuẩn → doanh nghiệp chịu trách nhiệm tuân thủ → Nhà nước quản lý rủi ro và hậu kiểm.

Áp dụng cơ chế “luồng xanh” theo hướng nhà đầu tư cam kết thực hiện các tiêu chuẩn, điều kiện, quy chuẩn kỹ thuật và cơ quan quản lý tăng cường hậu kiểm. Đây là sự chuyển đổi rất quan trọng: Từ “xin - cho” sang “tiêu chuẩn - trách nhiệm - hậu kiểm”. Đây chính là nền tảng của Nhà nước kiến tạo phát triển.

(6) Thúc đẩy chuyển đổi số trong quản trị nhà nước

Cơ chế “luồng xanh” thực chất rất khó vận hành hiệu quả nếu thiếu: Hồ sơ điện tử; chữ ký số; cơ sở dữ liệu liên thông; hệ thống theo dõi tiến độ; phân quyền điện tử; cảnh báo quá hạn; dashboard điều hành; đánh giá KPI... Do đó, “luồng xanh” không chỉ là cải cách quy trình; nó là động lực thúc đẩy tái cấu trúc quy trình trên nền tảng số.

(7) Tăng niềm tin của doanh nghiệp đối với chính quyền

Đây là một vai trò rất quan trọng của cơ chế “luồng xanh”. Khi chính quyền chủ động rà soát, cắt giảm thời gian xử lý các thủ tục hành chính, phối hợp giải quyết và đồng hành cùng doanh nghiệp thay vì để doanh nghiệp tự mình “đi qua” nhiều tầng nấc thủ tục, doanh nghiệp sẽ nhận thấy sự chuyển biến từ tư duy “quản lý doanh nghiệp” sang “phục vụ và kiến tạo phát triển”. Đây là nền tảng quan trọng để hình thành niềm tin.

Khi “luồng xanh” được vận hành với tiêu chí rõ ràng, thời hạn cụ thể và quy trình có thể theo dõi, doanh nghiệp sẽ tin tưởng và yên tâm hơn khi đưa ra các quyết định đầu tư. Niềm tin không chỉ được hình thành giữa chính quyền với từng doanh nghiệp mà còn lan truyền thông qua mạng lưới doanh nghiệp, hiệp hội và các nhà đầu tư. Một môi trường mà doanh nghiệp thực tế được hỗ trợ, thủ tục được giải quyết nhanh và vướng mắc được xử lý có thể tạo ra “hiệu ứng lan toả tích cực”, góp phần nâng cao hình ảnh và sức hấp dẫn của địa phương đối với các nhà đầu tư mới.

4. Phạm vi, đối tượng áp dụng

Công văn số 410/UBND-PVHCC ngày 16/01/2006 của UBND tỉnh xác định bốn nhóm đối tượng áp dụng cơ chế “luồng xanh” như sau:

Nhóm 1: Các dự án đầu tư khu công nghiệp, cụm công nghiệp, trung tâm logistics.

Nhóm 2: Các dự án nhà ở xã hội trên địa bàn tỉnh.

Nhóm 3: Các dự án đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện các khu dân cư, khu đô thị.

Nhóm 4: Các dự án đầu tư khác của nhà đầu tư trong nước và dự án FDI có tổng vốn đầu tư: Từ 250 tỷ đồng trở lên đối với sản xuất nông nghiệp, chế biến nông, lâm, thủy sản; từ 500 tỷ đồng trở lên đối với dịch vụ; từ 750 tỷ đồng trở lên đối với sản xuất công nghiệp. Ngoài ra, các dự án có tính chất quan trọng khác do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo.

5. Quy trình xử lý theo cơ chế “luồng xanh”

Bước 1. Kiểm tra hồ sơ. Tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp nộp trực tiếp, trực tuyến hoặc qua dịch vụ bưu chính. Cán bộ tiếp nhận đối chiếu tiêu chí “luồng xanh” để gắn nhãn nhận dạng và chuyển xử lý. Với hồ sơ không phải thủ tục hành chính, cán bộ tiếp nhận cũng đối chiếu tiêu chí tương tự.

Bước 2: Gắn nhãn nhận diện “luồng xanh”.

Bước 3: Chuyển ngay hồ sơ đến cơ quan, đơn vị, cá nhân có trách nhiệm xử lý.

II- KẾT QUẢ THỰC HIỆN CƠ CHẾ “LUỒNG XANH” Ở TỈNH ĐIỆN BIÊN

1. Kết quả thể chế hóa

7 tháng đầu năm 2026, tỉnh Điện Biên đã triển khai cơ chế “luồng xanh” một cách quyết liệt, khẩn trương thông qua việc thể chế hoá bằng các văn bản. Từ 01/01/2026 đến nay, Hội đồng nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh và Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành 47 văn bản quy phạm pháp luật (13 Nghị quyết, 33 Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh, 01 Quyết định của Chủ tịch tỉnh), trong đó nông nghiệp và môi trường 07 văn bản, tài chính 13 văn bản, xây dựng 03 văn bản.

Đã rà soát 72 văn bản theo yêu cầu của bộ, ngành; đề xuất sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ 16 văn bản, đến nay 09 văn bản đang được xử lý; cập nhật 47 văn bản lên Cơ sở dữ liệu quốc gia về pháp luật. Tiêu biểu:

- Ngày 16/01/2026, UBND tỉnh ban hành Công văn số 410/UBND-PVHCC, giao các cơ quan rà soát, lập danh mục trước 20/01/2026; Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh trình Chủ tịch tỉnh ban hành Quyết định công bố trước 27/01/2026; Sở Tài chính thiết kế mẫu dấu, hướng dẫn đóng dấu mũi tên “luồng xanh” hoàn thành 30/01/2026.

- Ngày 29/01/2026, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quyết định số 180/QĐ-UBND công bố danh mục 23 thủ tục hành chính thực hiện theo cơ chế “Luồng xanh” thuộc lĩnh vực tài chính, xây dựng, công thương, nông nghiệp và môi trường; đồng thời phê duyệt 05 quyết định về 23 quy trình nội bộ. Như vậy, toàn bộ khâu thể chế hóa ban đầu hoàn thành trong 13 ngày kể từ khi có chủ trương. Sớm hơn tiến độ Quý I/2026 mà Nghị quyết và Chương trình hành động đề ra.

- Ngày 09/3/2026, UBND tỉnh ban hành Quyết định số 393/QĐ-UBND phê duyệt quy trình nội bộ “luồng xanh” thuộc phạm vi quản lý của Sở Tài chính.

- Ngày 01/7/2026, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quyết định số 1405/QĐ-UBND công bố 26 thủ tục hành chính cấp tỉnh và 04 thủ tục hành chính cấp xã thí điểm thực hiện theo cơ chế “Luồng xanh”, thay thế Quyết định số 180/QĐ-UBND. Danh mục 26 thủ tục cấp tỉnh trải rộng trên 06 sở: Công Thương, Xây dựng, Văn hóa - Thể thao và Du lịch, Y tế, Tài chính, Nông nghiệp và Môi trường. Đây là bước mở rộng cả về số lượng thủ tục, cả về số ngành tham gia và đặc biệt là mở rộng xuống cấp xã (cấp trực tiếp phục vụ người dân, doanh nghiệp).

- Ngày 10/7/2026, UBND tỉnh ban hành Quyết định số 1516/QĐ-UBND phê duyệt 06 quy trình nội bộ trong giải quyết thủ tục hành chính lĩnh vực đầu tư tại Việt Nam, lĩnh vực đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư theo cơ chế “Luồng xanh” thuộc phạm vi quản lý của Sở Tài chính, thay thế Quyết định số 393/QĐ-UBND.

Quyết định số 1405/QĐ-UBND cũng giao trách nhiệm rất cụ thể: Ủy ban nhân dân các xã, phường đánh giá kết quả thí điểm, báo cáo trước ngày 15/12/2026; Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh tham mưu tổng kết việc thực hiện thí điểm trong tháng 12/2026. Ngay từ khi ban hành, tỉnh đã xác định rõ lộ trình đánh giá.

2. Mức độ cắt giảm thời gian

- Lĩnh vực đầu tư thuộc phạm vi quản lý của Sở Tài chính:

Thủ tục hành chính	Thời hạn quy định	Thời hạn “Luồng xanh”	Tỷ lệ cắt giảm
Chấp thuận chủ trương đầu tư (thẩm quyền Chủ tịch UBND cấp tỉnh)	34 ngày	06 ngày làm việc	82,35%
Chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư	34 ngày	06 ngày làm việc	82,35%
Chấp thuận nhà đầu tư	34 ngày	06 ngày làm việc	82,35%
Điều chỉnh Quyết định chấp thuận nhà đầu tư	34 ngày	06 ngày làm việc	82,35%
Công bố dự án đầu tư kinh doanh (đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư)	25 ngày	06 ngày làm việc	76%
Cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (không thuộc diện chấp thuận chủ trương)	15 ngày	06 ngày làm việc	60%

- Cấu trúc thời gian bên trong 06 ngày làm việc

Quy trình số 01 tại Quyết định số 1516/QĐ-UBND thủ tục chấp thuận chủ trương đầu tư, trường hợp áp dụng chung theo Điều 35 Nghị định số 96/2026/NĐ-CP, gồm 07 bước:

Bước 1. Tiếp nhận hồ sơ (giờ hành chính): Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh/cấp xã tiếp nhận trực tiếp, trực tuyến qua Cổng Dịch vụ công quốc gia hoặc Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của Bộ Tài chính; hồ sơ đầy đủ thì gắn nhãn “luồng xanh”, chuyển về Sở Tài chính.

Bước 2. Phân công xử lý (0,5 ngày làm việc): Lãnh đạo phòng chuyên môn; sản phẩm là Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ.

Bước 3. Thẩm tra, gửi lấy ý kiến (0,5 ngày làm việc): Sở Tài chính gửi lấy ý kiến thẩm định của các sở, Ủy ban nhân dân cấp xã nơi thực hiện dự án và cơ quan liên quan; dự án ở khu vực ảnh hưởng quốc phòng, an ninh thì lấy ý kiến Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh, Công an tỉnh.

Bước 4. Các cơ quan cho ý kiến (02 ngày làm việc).

Bước 5. Lập báo cáo thẩm định trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh (01 ngày làm việc).

Bước 6. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, chấp thuận chủ trương đầu tư (02 ngày làm việc).

Bước 7. Trả kết quả (giờ hành chính).

Tổng thời gian: 06 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ.

Thời gian được quy định đến từng nửa ngày làm việc, mỗi mốc gắn với một chủ thể chịu trách nhiệm cụ thể. Đảm bảo tinh thần “6 rõ”: rõ người, rõ việc, rõ trách nhiệm, rõ thẩm quyền, rõ thời gian, rõ kết quả.

3. Các lĩnh vực khác trong danh mục 26 thủ tục:

- *Công thương* (06 thủ tục): Cắt giảm 70%. Thẩm định, phê duyệt quy trình vận hành hồ chứa thủy điện từ 30 ngày xuống 09 ngày; phương án ứng phó thiên tai vùng hạ du đập từ 20 ngày xuống 06 ngày; Giấy chứng nhận cửa hàng đủ điều kiện bán lẻ xăng dầu từ 20 xuống 06 ngày làm việc.

- *Xây dựng*: Cắt giảm 70%. Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô từ 05 xuống 1,5 ngày làm việc; thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi: nhóm A từ 35 ngày xuống 10,5 ngày làm việc, nhóm B từ 25 xuống 7,5 ngày, nhóm C từ 15 xuống 4,5 ngày; thẩm định thiết kế sau thiết kế cơ sở: công trình cấp đặc biệt, cấp I từ 40 ngày xuống 12 ngày làm việc.

- *Nông nghiệp và môi trường*: Cắt giảm 60% trở lên. Giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất (không đấu giá, không đấu thầu) từ 25 xuống 10 ngày làm việc.

- *Y tế* (02 thủ tục): Cắt giảm 70%. Cấp lại Chứng chỉ hành nghề dược từ 10 xuống 03 ngày; xếp cấp chuyên môn kỹ thuật từ 60 xuống 18 ngày.

- *Văn hóa, thể thao và du lịch* (02 thủ tục): Cắt giảm 50%. Giấy phép xuất bản tài liệu không kinh doanh từ 10 xuống 05 ngày làm việc; công nhận hạng cơ sở lưu trú du lịch 1-3 sao từ 30 xuống 15 ngày.

4. Kết quả cải cách thủ tục hành chính và chuyển đổi số

Ngày 08/01/2026, Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quyết định số 40/QĐ-UBND phê duyệt, thực thi phương án cắt giảm thời hạn giải quyết, đơn giản hóa 21 thủ tục hành chính liên quan đến đầu tư trên địa bàn tỉnh. Cùng với đó, đã trình Chủ tịch tỉnh ban hành 03 quyết định thông qua Phương án đơn giản hóa 08 thủ tục hành chính liên quan đến sản xuất, kinh doanh trong lĩnh vực dược phẩm; khám bệnh, chữa bệnh; kinh tế hợp tác và phát triển nông thôn.

Giải quyết thủ tục hành chính trên môi trường điện tử: Theo Cổng Dịch vụ công quốc gia, tỷ lệ hồ sơ nộp trực tuyến đạt 100%, tỷ lệ cấp kết quả thủ tục hành chính điện tử của tỉnh đạt 97,38%. Theo Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành

chính của tỉnh, từ 01/01/2026 đến 14/5/2026, toàn tỉnh tiếp nhận 57.953 hồ sơ, trong đó trực tuyến 56.392 hồ sơ, đạt 97,31%; tỷ lệ số hóa kết quả giải quyết đạt 99,85%.

Chuẩn hóa quy trình: Đã cấu hình 163 quy trình điện tử; công bố mới 120 thủ tục hành chính, sửa đổi 235 và bãi bỏ 132 thủ tục.

Chính quyền số: triển khai Trung tâm điều hành thông minh (IOC) tích hợp 12 nhóm dịch vụ, cơ sở dữ liệu quan trọng, quản lý 307 camera giám sát; vận hành tổng đài trí tuệ nhân tạo (02156.829.829) hỗ trợ trả lời thông tin về thủ tục hành chính.

Nguồn nhân lực số: Hội nghị tập huấn ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI) năm 2026 với hơn 500 học viên, được quán triệt các quy định trọng tâm của Luật Trí tuệ nhân tạo (Luật số 134/2025/QH15) về tuân thủ đạo đức công vụ và bảo vệ dữ liệu cá nhân.

Nền tảng dùng chung: 100% cán bộ, công chức được cấp tài khoản thư điện tử công vụ; 100% cơ quan, đơn vị sử dụng nền tảng quản lý văn bản liên thông; 100% chế độ báo cáo, dữ liệu của tỉnh kết nối với Hệ thống thông tin báo cáo Chính phủ; hệ thống hội nghị trực tuyến kết nối đến 100% xã, phường.

Dịch vụ thiết yếu: thanh toán không dùng tiền mặt đối với người có công đạt 100%, đối tượng bảo hiểm xã hội, trợ cấp thất nghiệp, lương hưu đạt 98,84%, bảo trợ xã hội đạt 76%; 100% cơ sở y tế, giáo dục công lập thanh toán không dùng tiền mặt; tạo lập 446.399 hồ sơ Sổ sức khỏe điện tử, thu thập thông tin 425.470 người, đạt 68,3% dân số toàn tỉnh.

5. Kết quả cải cách tổ chức bộ máy

Cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh hiện còn 14 cơ quan, giảm 05 cơ quan (26,3%); đã giảm 42 phòng (35,9%), 01 chi cục và 06 đơn vị sự nghiệp công lập.

Về nhân sự: giao 3.786 biên chế cán bộ, công chức (cấp tỉnh 1.199, cấp xã 2.587) và 19.654 người làm việc trong các đơn vị sự nghiệp công lập; biệt phái, tăng cường 124 công chức, viên chức từ cấp tỉnh về các xã, phường ở các vị trí còn thiếu (công nghệ thông tin, chuyển đổi số, xây dựng, giao thông, quản lý đất đai, tư pháp, nông nghiệp...).

Bên cạnh các tổ công tác chính thức, tỉnh đã lập các tổ, nhóm Zalo theo từng dự án để hướng dẫn, tiếp nhận và tháo gỡ kịp thời vướng mắc, đặc biệt về bồi thường, giải phóng mặt bằng, hỗ trợ tái định cư trên quan điểm giảm thiểu thủ tục và đầu mối.

6. Kết quả về nguồn lực tài chính và đầu tư công

Tổng thu ngân sách địa phương (tính đến ngày 11/8/2026) đạt 16.437,614 tỷ đồng, bằng 110,48% dự toán HĐND tỉnh giao và 115,88% dự toán Trung ương giao;

trong đó thu nội địa đạt 1.182,996 tỷ đồng, đạt 54,77% dự toán HĐND tỉnh giao và 78,14% dự toán Trung ương giao.

Tổng chi ngân sách địa phương (tính đến ngày 11/8/2026) đạt 11.532,538 tỷ đồng, bằng 76,96% dự toán HĐND tỉnh giao và 80,69% dự toán Trung ương giao; trong đó, chi đầu tư phát triển đạt 4.080,952 tỷ đồng, chi thường xuyên đạt 7.410,739 tỷ đồng.

Đầu tư công: kế hoạch vốn ngân sách nhà nước năm 2026 Thủ tướng Chính phủ giao 4.937,698 tỷ đồng; tỉnh đã phân bổ chi tiết 4.915,621/4.937,698 tỷ đồng, đạt 99,55% kế hoạch vốn giao.

Tổng vốn đầu tư phát triển toàn xã hội 8 tháng ước đạt 12.880,3 tỷ đồng, tăng 22,02% so với cùng kỳ năm trước, đạt 51,52% kế hoạch năm, trong đó: Vốn khu vực nhà nước chiếm 40,34%, vốn khu vực ngoài nhà nước chiếm 59,66% và tăng 23,33% so với cùng kỳ năm trước.

Phát triển doanh nghiệp: Từ đầu năm đến nay có 232 doanh nghiệp thành lập mới với tổng vốn đăng ký 1638,864 tỷ đồng, đạt 92,8% kế hoạch năm; 38 hợp tác xã thành lập mới với tổng vốn điều lệ 50,805 tỷ đồng, đạt 42,22% kế hoạch năm.

7. Tiến độ các chương trình, dự án quan trọng

Từ ngày 10 - 11/5/2026, Điện Biên đã tổ chức thành công Hội nghị Xúc tiến đầu tư năm 2026, quy mô khoảng 1.200 người. Kết quả của Hội nghị tạo giá trị đột phá: 12 dự án được trao Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư/Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư, tổng vốn 48.000 tỷ đồng; 22 Biên bản ghi nhớ (MOU) hợp tác đầu tư được ký kết, tổng vốn đăng ký trên 209.370 tỷ đồng.

Con số 209.370 tỷ đồng gấp hơn 5 lần tổng vốn đăng ký của toàn bộ 1.677 doanh nghiệp đang hoạt động trên địa bàn tỉnh (39.490 tỷ đồng). Đây là quy mô cam kết đầu tư chưa từng có trong lịch sử tỉnh Điện Biên.

Từ đầu năm 2026 đến nay, qua đầu mối Trung tâm Xúc tiến đầu tư, Thương mại và Du lịch, tỉnh đã tiếp đón, tư vấn, hỗ trợ khảo sát thực địa cho trên 30 đoàn công ty, tập đoàn lớn trong và ngoài nước (Vingroup, Sun Group, BRG, Dabaco, TH, Kita Việt Nam, Envision Energy, Muyuan) nghiên cứu đầu tư vào năng lượng tái tạo (điện mặt trời, thủy điện, điện gió, thủy điện tích năng); nông nghiệp công nghệ cao; hạ tầng cụm công nghiệp - logistics; tổ hợp đô thị sinh thái, sân golf, nghỉ dưỡng cao cấp kết hợp khoáng nóng.

Tỉnh cũng đã ban hành Quyết định số 191/QĐ-UBND ngày 30/01/2026 về Danh mục dự án ưu tiên kêu gọi đầu tư giai đoạn 2025-2030; vận hành Cổng thông tin điện tử đa ngôn ngữ và bản đồ số các dự án.

- Dự án cao tốc Sơn La - Điện Biên - Cửa khẩu Tây Trang (Giai đoạn 1): Chiều dài khoảng 48,3 km, điểm đầu tại ranh giới Sơn La - Điện Biên kết nối cao

tốc CT.03, điểm cuối tại Nút giao IC.5 kết nối phường Mường Thanh; tổng mức đầu tư dự kiến 23.252 tỷ đồng, thời gian thực hiện 2026-2030. Chủ trương đầu tư tại Nghị quyết số 292/NQ-HĐND ngày 13/3/2026; Quyết định số 819/QĐ-UBND ngày 17/4/2026 giao nhiệm vụ chủ đầu tư các dự án thành phần; Lễ khởi công (động thổ) dự án được tổ chức ngày 19/5/2026 theo đúng kế hoạch.

- Dự án nâng cấp đường từ Quốc lộ 12 đến cửa khẩu A Pa Chải: Quy mô 186,5 km, đường cấp IV miền núi; nhu cầu kế hoạch đầu tư công trung hạn 2026-2030 dự kiến 6.728 tỷ đồng. Ủy ban nhân dân tỉnh đã thành lập Hội đồng thẩm định chủ trương đầu tư (Quyết định số 229/QĐ-UBND ngày 04/02/2026); Sở Tài chính (Cơ quan Thường trực Hội đồng) đã tổ chức họp thẩm định Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi ngày 06/3/2026; dự án đang trong giai đoạn thẩm định.

- Dự án nâng cấp, cải tạo Quốc lộ 279: Đây là một trong ba dự án giao thông then chốt, lồng ghép nguồn vốn ngân sách gắn với thu hút đầu tư theo hình thức đối tác công tư (PPP).

- Các dự án trọng điểm ngoài ngân sách và dự án an sinh (Khu đô thị mới phía Tây Bắc phường Điện Biên Phủ; Tổ hợp cáp treo Điện Biên Phủ; các Trường phổ thông dân tộc nội trú liên cấp tại xã biên giới): Ủy ban nhân dân tỉnh thiết lập cơ chế giám sát, giao ban thường xuyên và trực tiếp kiểm tra tại hiện trường để kịp thời tháo gỡ khó khăn về mặt bằng và mỏ vật liệu.

8. Kết quả các chỉ số đánh giá

Chỉ số cải cách hành chính (PAR Index): 87,67 điểm, xếp thứ 29/34.

Chỉ số đo lường sự hài lòng của người dân đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước (SIPAS): 83,31 điểm, xếp thứ 19/34.

Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI) năm 2025: 63,75 điểm, xếp thứ 19/34, thuộc nhóm “Trung bình” nhưng tiệm cận nhóm Khá (từ 63,76 điểm) và là tỉnh có điểm cao nhất trong 10 tỉnh cùng nhóm. Trong vùng Trung du và miền núi phía Bắc, Điện Biên xếp thứ 6/9, xếp trên Sơn La, Lai Châu, Cao Bằng.

Ba chỉ số thành phần nổi bật của Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh năm 2025:

- + Chi phí không chính thức: 7,93 điểm, xếp thứ 6/34 toàn quốc;
- + Gia nhập thị trường: 7,47 điểm, xếp thứ 10/34;
- + Tính minh bạch: 7,36 điểm, xếp thứ 11/34.

Ba chỉ số này chính là ba chỉ số phản ánh trực tiếp nhất chất lượng cải cách thủ tục hành chính. Việc cả ba đều nằm trong nhóm dẫn đầu cả nước cho thấy hướng đi của tỉnh ta là đúng.

III- NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP TRỌNG TÂM THỜI GIAN TỚI

1. Khẩn trương rà soát, hoàn thiện và thể chế hóa hệ thống cơ chế, chính sách hỗ trợ phát triển kinh tế

2. Chuẩn hóa quy trình liên thông và nâng cấp cơ chế “luồng xanh”

- Ban hành Quy chế phối hợp liên ngành và Hướng dẫn trình tự thực hiện dự án đầu tư bằng nguồn vốn ngoài ngân sách, để nhà đầu tư có một “bản đồ thủ tục” duy nhất.

- Mở rộng mô hình “luồng xanh” sang các dự án quy mô vừa; nghiên cứu nói lỏng hoặc bãi bỏ điều kiện áp dụng không còn phù hợp; rút gọn quy trình, giảm khâu trung gian; nghiên cứu phân tầng “luồng xanh” với luồng xử lý trong ngày cho nhóm thủ tục đơn giản, đủ điều kiện.

3. Hoàn thiện hạ tầng dữ liệu và liên thông đa tầng

Làm sạch, đồng bộ Kho dữ liệu điện tử của tổ chức, cá nhân; nâng cấp Cổng dịch vụ công để chia sẻ dữ liệu tự động với các ngành dọc (thuế, bảo hiểm xã hội); khai thác hiệu quả Bản đồ số các dự án kêu gọi đầu tư và Cổng thông tin đa ngôn ngữ. Mục tiêu: 100% thủ tục hành chính nội bộ thực hiện trên môi trường điện tử và doanh nghiệp chỉ phải cung cấp thông tin một lần. Song song, đẩy nhanh xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai; xóa “vùng lùm” sóng di động, internet; bổ sung trang thiết bị cho Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.

4. Hỗ trợ thực chất và thúc đẩy hiện thực hóa các Biên bản ghi nhớ

Tăng cường tính chủ động của các Tổ công tác hỗ trợ dự án đầu tư; sớm ban hành Quyết định thành lập Tổ công tác tháo gỡ khó khăn cho dự án ngoài ngân sách; tập trung tháo gỡ bồi thường, giải phóng mặt bằng, tạo quỹ đất sạch, giải quyết dứt điểm khó khăn về nguồn đất đắp, mỏ vật liệu; đồng hành với các tập đoàn lớn (Vingroup, Sun Group, BRG, TH, Dabaco...) để sớm đưa dự án vào vận hành, tạo nguồn thu ngân sách bền vững.

5. Siết chặt kỷ cương công vụ, đánh giá cán bộ theo sản phẩm đầu ra

Kiểm tra công vụ gắn với xếp loại cán bộ theo quý dựa trên sản phẩm đầu ra thực chất; kịp thời biểu dương, khen thưởng tập thể, cá nhân có tư duy đột phá, sáng kiến xuất sắc trong cải cách hành chính và thu hút đầu tư, lấy đó làm căn cứ ưu tiên trong quy hoạch, bổ nhiệm; vận hành nghiêm cơ chế hậu kiểm, kiên quyết xử lý hoặc điều chuyển những vị trí đùn đẩy, né tránh, gây phiền hà; xây dựng đội ngũ đáp ứng tiêu chí “5 có”: có tư duy đổi mới, có năng lực hành động thực tiễn, có uy tín, có liêm chính, có khát vọng cống hiến.

6. Cải thiện thực chất Chỉ số cải cách hành chính (PAR Index), Chỉ số đo lường sự hài lòng của người dân đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước (SIPAS), Chỉ số hiệu quả quản trị và hành chính công cấp tỉnh (PAPI) và Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI)

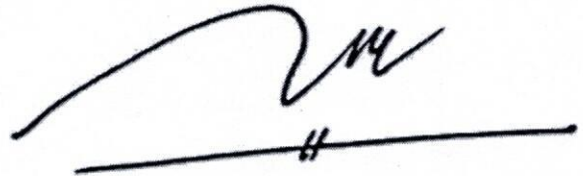
Tập trung vào các chỉ số thành phần xếp hạng thấp (Chi phí tuân thủ thủ tục hành chính 26/34; Thiết chế pháp lý 28/34; Hỗ trợ doanh nghiệp và Chính quyền kiến tạo cùng 20/34); duy trì các điểm sáng (Chi phí không chính thức 6/34; Gia nhập thị trường 10/34; Tính minh bạch 11/34).

Triển khai Bộ chỉ số đánh giá năng lực cạnh tranh cấp sở, ban, ngành và địa phương (DDCI) tỉnh Điện Biên bám theo bộ chỉ số PCI 2.0 công cụ giám sát đến từng sở, ngành, địa phương, tạo áp lực cải cách từ dưới lên. Tổ chức thực chất Hội nghị Gặp mặt doanh nghiệp, nhà đầu tư và Diễn đàn Kinh tế tư nhân; hằng năm tổ chức 2-3 Hội nghị xúc tiến đầu tư quy mô lớn, tập trung vào nông lâm nghiệp, du lịch, năng lượng.

Nơi nhận:

- Các đ/c BCV Trung ương tại Điện Biên, BCV cấp tỉnh;
- Ban Xây dựng Đảng các đảng bộ trực thuộc tỉnh; Phòng Công tác chính trị, Công an tỉnh; Ban Tuyên huấn, Bộ CHQS tỉnh;
- TTCT các xã, phường;
- Lãnh đạo Ban;
- Phòng TT-TH;
- Lưu VT.

**K/T TRƯỞNG BAN
PHÓ TRƯỞNG BAN**



Trần Thị Lan Hương